

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:10/2021/DS-PT

Ngày 26/3/2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh

Ông Lê Vũ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1 (Văn bản ủy quyền đề ngày 16/5/2017) và Ông Nguyễn Văn H2 (Văn bản ủy quyền đề ngày 05/8/2020); địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Thái Quốc V của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên T, thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ 27 Đường N, phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H3; địa chỉ: 3/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư B của Văn phòng Luật sư B, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ 44 Phạm Hồng Thái, thành phố H. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: 2/252 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bà Lê Thị X (tên gọi khác: L); địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn H và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn H2 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 213, tờ bản đồ 24, diện tích 991m², tọa lạc tại địa chỉ: Số 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là do vợ chồng Ông Nguyễn Văn H và Bà Lê Thị X mua của ông Nguyễn Văn S vào năm 1986 có chứng thực Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H. Gia đình ông H đã sử dụng thửa đất và xây dựng nhà ở từ năm 1987 đến nay. Vào cuối tháng 2/2017, Ông Nguyễn Văn H3 (em trai của ông H) và Ông Nguyễn Văn Q (cháu của ông H) có đơn yêu cầu UBND phường L giải quyết tranh chấp và cho rằng: Thửa đất trên là do ông Nguyễn Văn H3 mua nhưng nhờ Ông Nguyễn Văn H ký tên vào giấy mua bán đó thay ông H3 nên yêu cầu ông H chỉ nhận diện tích đất 500 m², diện tích đất còn lại để xây dựng nhà thờ, nhưng không hề có một giấy tờ nào chứng minh. Ngày 02/3/2017, UBND phường L đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ 24, tọa lạc tại địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của vợ chồng Ông Nguyễn Văn H và Bà Lê Thị X.

Tài liệu do Nguyên đơn cung cấp: Bản phô tô giấy nhượng hoa màu và vách nền nhà, bản phô tô Biên bản về việc giải quyết đất ở cho hộ Nguyễn Văn H. Tòa án nhân dân thành phố H đã yêu cầu Nguyên đơn cung cấp Bản gốc các tài liệu trên nhưng từ khi Tòa án thụ lý đến nay thời gian đã lâu mà nguyên đơn vẫn không cung cấp được.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H3 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 213, tờ bản đồ 24, tọa lạc tại địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là do ông Nguyễn Văn H3 (bố của ông H3) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S bằng giấy viết tay. Vì vậy,

đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Tòa án xác định thửa đất không thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H, đối với các tài sản gắn liền đất là của vợ chồng ông H và bà X tạo lập.

Tài liệu, chứng cứ do Bị đơn cung cấp: Bản chính Giấy bán vườn đề ngày 01 tháng 01 năm 1987 tên người bán Nguyễn Văn S, tên người mua Nguyễn Văn H3.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị X trình bày:

Bà X thông nhất như ý kiến của Nguyên đơn đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Nguyễn Văn H3 là ông nội của ông Q, thửa đất hiện nay gia đình ông H đang sử dụng là do ông H3 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S. Ông Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án đã đưa ông Nguyễn Văn S, ông Võ Văn L và bà Trần Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách Người làm chứng.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm Người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông S là con của ông Nguyễn Văn X1, trước đây ở làng N (nay là phường L). Năm 1956 ông X1 được cấp bản phó trích lục địa bộ mang số hiệu E383, diện tích 932 m². Gia đình Ông S đã ở và sử dụng thửa đất trên, đến năm 1968 do bom đạn Mỹ làm sập nhà nên cả gia đình chuyển về làng H (hiện nay tại địa chỉ: 45 Đường N, phường K, thành phố H) sinh sống. Ngày 01/01/1987, Ông S có viết giấy bán toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Văn H3 với giá 6.850 đồng tương đương 03 chỉ 06 vàng y, vợ ông là người nhận tiền, ông là người giao bản gốc bản trích lục cho ông Nguyễn Văn H3. Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ vào ngày 27/12/1986 ông và vợ có viết giấy bán thửa đất trên cho Bà Lê Thị X và Ông Nguyễn Văn H hay không. Tuy nhiên, nếu có thì hai bên cũng chưa thỏa thuận được việc mua bán đất vì bên bán và bên mua cũng chưa tiến hành giao nhận tiền và trích lục bản gốc cho người mua. Ngày 01/01/1987, giữa Ông S và ông H3 đã thỏa thuận được việc mua bán.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm Người làm chứng bà Trần Thị T trình bày:

Bà T là cháu gọi ông Nguyễn Văn S bằng cậu. Thửa đất số 213, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của ông Nguyễn Văn S. Trước đây, Ông S cho bà sử dụng nên bà có đăng kê khai sử dụng theo Bản đồ 299. Sau đó, do không có nhu cầu sử dụng bà đã trả lại toàn bộ thửa đất cho Ông S và Ông S đã bán cho ông Nguyễn Văn H3, bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm Người làm chứng ông Võ Văn L trình bày:

Ngày 29/12/1986, tại Văn phòng UBND xã L được sự thống nhất của thường trực UBND, Hội đồng quản lý đất xã, ông L đã tiến hành lập Biên bản giải quyết đất nhà ở cho hộ Nguyễn Văn H. Tham dự có ông Nguyễn Văn T1 - Phó chủ tịch Hội đồng quản lý đất đai xã, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn S. Hai bên đã thỏa thuận chuyển nhượng ngôi nhà cũ và vườn cây số hiệu T92, tờ bản đồ số 05 (bản đồ 299) đây là giao dịch dân sự thỏa thuận giữa hai bên, sau khi lập biên bản giao cho các bên và lưu tại Văn phòng UBND xã L, hiện nay có còn lưu hay không thì ông không biết vì năm 1994 ông chuyển công tác. Phần cuối văn bản có ghi: Trong lúc đợi lập thủ tục hợp pháp UBND xã L thuận cho phép hộ ông Nguyễn Văn H đến tu sửa nhà ở kể từ ngày 01/1/1987 và ông H đã đến ở từ đó cho đến nay.

Theo kết quả xác minh tại UBND phường L, thành phố H đã xác định:

Thửa đất số 213, tờ bản đồ 24, diện tích 991m², tọa lạc tại địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay đang do ông Nguyễn Văn H sử dụng, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa xác định rõ nguồn gốc do ai tạo lập. Hiện nay, các hộ xung quanh thửa đất không có ai tranh chấp gì. Theo Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy hoạch chi tiết khu vực L, thửa đất trên nằm trong quy hoạch đất ở. Theo bản đồ 299 thửa đất hiện đang tranh chấp thuộc thửa 792, tờ bản đồ số 5, diện tích 991m² loại đất thổ cư do bà Trần Thị T kê khai. Tại Bản đồ 202 thửa đất trên mang số hiệu 213, tờ bản đồ số 24 diện tích 1.035,8 m². Tại bản đồ Gis Huế thửa đất có diện tích 1037 m² do Ông Nguyễn Văn H kê khai đăng ký sử dụng. Thửa đất trên thuộc trích lục mang số hiệu E 383 do Chế độ cũ cấp ngày 23/7/1956 cho ông Nguyễn Văn X1 diện tích 932 m².

Tại Công văn số 18/UBND ngày 12/3/2020 UBND phường L đã trả lời cho Tòa án: Qua rà soát, kiểm tra hồ sơ lưu tại UBND phường L, hiện nay không có giấy nhượng hoa màu và vách nền nhà và Biên bản về việc giải quyết đất ở cho hộ Nguyễn Văn H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố H quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; các Điều 35; 147; 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b, e khoản 1 và khoản 2 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 158, 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; tuyên xử:

1. Bác một phần đơn khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu xác định thửa đất số 213, tờ bản đồ 24, diện tích 1.030,8 m², tọa lạc tại: Số 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị X. Thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H3. Hiện nay ông H3 chết thì những người thừa kế hợp pháp của ông H3 được quyền thừa kế (Có bản vẽ kèm theo).

2. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Nguyên đơn: Công nhận toàn bộ tài sản gắn liền thửa đất số 213, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại số 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo biên bản định giá ngày 25/6/2020) thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Ông Nguyễn Văn H và Bà Lê Thị X.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 15/10/2020 anh Nguyễn Văn H2 và anh Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho gia đình các ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Văn H2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không tự hòa giải, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H2 trình bày đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị X đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn; Ông Nguyễn Văn Q đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Không chấp nhận đơn kháng cáo của Nguyên đơn; giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Văn H2 được thực hiện trong hạn luật định;

đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm; có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm.

[1.2] Về việc triệu tập người làm chứng tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Xét thấy lời khai của những người làm chứng đã thể hiện rõ tại hồ sơ vụ án do đó Tòa án xét không cần thiết phải triệu tập những người làm chứng tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại số 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của vợ chồng Ông Nguyễn Văn H và Bà Lê Thị X. Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn đồng ý toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông H bà X. Do đó, tài sản gắn liền với thửa đất là không có tranh chấp nên Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Văn H2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về Nguồn gốc thửa đất số 213, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại địa chỉ 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay do gia đình ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị X sử dụng là thửa đất số hiệu E 383 do chế độ cũ cấp trích lục ngày 23/7/1956 cho ông Nguyễn Văn X1 diện tích 932 m². Theo Giấy bán vườn lập ngày 01/1/1987, thể hiện ông Nguyễn Văn S (ông Nguyễn Văn S là con của ông Nguyễn Văn X1) và vợ là bà Phan Thị T2 đã bán vườn cho ông Nguyễn Văn H3 theo trích lục số E383 với diện tích 1 sào 3 thước 1 tấc ở tại thôn N, phường L, thành phố H với giá 6.850 đồng tương đương 03 chỉ 06 vàng y.

Tại biên bản xác minh vào ngày 10/6/2020 do Tòa án lập có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H với nội dung ông Nguyễn Văn S đã trình bày: Ông là con của ông Nguyễn Văn X1 đã bán toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Văn H3, vợ ông đã nhận tiền và ông đã giao trích lục cho ông H3. Và hai bên đã lập giấy viết tay vào ngày 01/01/1987. Mặt khác tại biên bản ghi lời khai vào ngày 19/6/2020 do Tòa án lập, bà Trần Thị T là cháu gọi ông Nguyễn Văn S là cậu cũng xác nhận bà có sản xuất canh tác trên đất và đã đăng ký kê khai theo chỉ thị 299, sau đó bà không sản xuất và đã trả lại đất cho Ông S. Đồng thời, bà cũng xác nhận Ông S đã bán thửa đất đó cho ông Nguyễn Văn H3.

Tại biên bản xác minh vào ngày 25/3/2020 do Tòa án lập: Ông Đặng S1 công chức địa chính phường L, thành phố H đã trình bày thửa đất số 213, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại địa chỉ 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H đúng với thửa đất theo trích lục số E383 với diện tích 1 sào 3 thước 1 tấc ở tại thôn N, phường L, thành phố H do ông Nguyễn Văn X1 đứng tên. Ông Sau cũng trình bày việc đăng ký kê khai theo chỉ thị 299 là do bà Trần Thị T đã kê khai. Sau này Ông Nguyễn Văn H mới kê khai.

Tuy ông H3 khai chữ ký trong giấy mua bán vườn phần ký tên Nguyễn Văn H3 là do ông Nguyễn Văn H ký thay, nhưng khi trả tiền là do ông H3 và ông H cùng đi trả tiền, tiền đó là của ông H3. Xét lời khai này phù hợp với ý kiến của ông H3 và ông H tại Biên bản Hòa giải ngày 29/10/2003 của UBND phường L.

Những người làm chứng ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị T đều khẳng định thửa đất trên được Ông S bán cho ông Nguyễn Văn H3, Ông S là người giao bản sao trích lục cho ông H3 và hiện bản sao trích lục do Bị đơn ông Nguyễn Văn H3 cung cấp là phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được.

Phía Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Lê Thị X cho rằng thửa đất trên ông Nguyễn Văn S là con của ông Nguyễn Văn X1 đã bán cho vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, ông H bà X không cung cấp được các chứng cứ chứng minh việc ông bà có giao tiền ông Nguyễn Văn S để mua đất. Đồng thời, Ông S cũng khẳng định ông là người bán đất cho ông H3.

Đối với các tài liệu là Bản phô tô Giấy phượng hoa màu và vách nền nhà, bản phô tô Biên bản về việc giải quyết đất ở cho hộ Nguyễn Văn H do Nguyên đơn giao nộp. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm phía gia đình Ông Nguyễn Văn H và Bà Lê Thị X không xuất trình được bản chính các tài liệu đã nêu trên. Phía Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H đã trả lời hiện không có giấy nhượng hoa màu và vách nền nhà và Biên bản về việc giải quyết đất ở cho hộ Ông Nguyễn Văn H được lưu giữ tại Ủy ban.

Do đó, ông H bà X không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của ông H, bà X là có căn cứ. Thửa đất này được chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn S là con của ông X1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H3 vào ngày 01/01/1987. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 để xác định ông Nguyễn Văn H3 là người có quyền sử dụng thửa đất. Hiện nay ông H3 chết thì những người thừa kế của ông H3 được quyền sử dụng là có căn cứ.

Đối với các tài sản gắn liền thửa đất: Các đương sự đều thống nhất từ khi sử dụng thửa đất gia đình ông H, bà X xây dựng, sửa chữa nhà và trồng cây trên đất. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn và xác định quyền sở hữu tài sản gắn liền đất là của vợ chồng ông H, bà X là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của Ông Nguyễn Văn H2, Ông Nguyễn Văn H1 và ý kiến của Luật sư bảo vệ cho ông H2 tại phiên tòa mà cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Văn H2;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1 (Văn bản ủy quyền đề ngày 16/5/2017) và Ông Nguyễn Văn H2 (Văn bản ủy quyền đề ngày 05/8/2020); địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H3; địa chỉ: 3/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: 2/252 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Lê Thị X (tên gọi khác: L); địa chỉ: 10/248 Đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000652 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THA tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu HCTP; Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính